

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Đoàn giám sát tình hình, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Quy chế hoạt động của HĐND ban hành kèm theo Nghị quyết số 753/2005/NQ-UBTVQH11 ngày 02/4/2005 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 34/2012/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của HĐND Thành phố về chương trình giám sát của HĐND Thành phố năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn giám sát của Thường trực HĐND Thành phố về tình hình, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố (có danh sách thành viên Đoàn giám sát kèm theo).

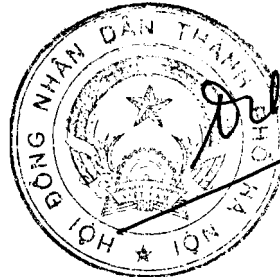
Điều 2. Đoàn giám sát, các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thực hiện kế hoạch giám sát ban hành kèm theo quyết định này, thông báo kết luận giám sát tới các cơ quan có thẩm quyền và các cơ quan có liên quan theo quy định, báo cáo kết quả giám sát với HĐND Thành phố.

Điều 3. Thành viên Đoàn giám sát, Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- TT Thành ủy; (để báo cáo)
- Đoàn ĐB QH Hà Nội;
- UBND TP;
- UB MTTQ TP;
- Như Điều 3;
- VP ĐBQH&HĐND, VP UBND TP;
- Các sở: TNMT, LĐT&XH; Xây dựng, Thanh Tra TP;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện, thị xã;
- UBMTTQ các quận, huyện, thị xã;
- Đài PTTH HN, Báo HNM, KTĐT, Phan xã HN, Công GIĐT;
- Các phòng: CT HĐND, HCTCQT;
- Lưu VT, P.CT HĐND. /

**TM. THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ngô Thị Doãn Thanh



DANH SÁCH THÀNH VIÊN ĐOÀN GIÁM SÁT
(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐND ngày 17/1/2014
của Thường trực HĐND Thành phố)

1. Bà Ngô Thị Doãn Thanh - Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch HĐND Thành phố: Trưởng đoàn.
2. Ông Lê Văn Hoạt - Thành ủy viên, Phó Chủ tịch HĐND Thành phố: Phó Trưởng đoàn.
3. Ông Trần Trọng Dực - Ủy viên Ban Thường vụ Thành ủy, Chủ nhiệm UBKT Thành ủy.
4. Ông Nguyễn Văn Nam - Ủy viên Thường trực HĐND, Trưởng Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND Thành phố.
5. Ông Nguyễn Hoài Nam - Trưởng Ban Pháp chế HĐND Thành phố.
6. Bà Nguyễn Thị Thùy - Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố.
7. Ông Bùi Đức Hiếu - Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH & HĐND Thành phố.
8. Ông Đỗ Trung Hai - Phó Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố.
9. Bà Bùi Huyền Mai - Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND Thành phố.
10. Ông Nguyễn Tuấn Thịnh - Phó Trưởng Ban Kinh tế & Ngân Sách HĐND Thành phố.
11. Ông Nguyễn Xuân Diên - Phó Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố.
12. Bà Phạm Thị Thanh Mai - Phó Trưởng Ban Kinh tế & Ngân sách HĐND Thành phố.
13. Ông Nguyễn Nguyên Quân - Phó Trưởng Ban Pháp chế HĐND Thành phố.
14. Ông Phạm Xuân Tài - Phó Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội HĐND Thành phố.
15. Ông Tô Văn Cường - Thành ủy viên, Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Thường Tín, Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND Thành phố huyện Thường Tín.
16. Bà Lê Thị Hà - Phó Bí thư huyện ủy, Chủ tịch HĐND huyện Thanh Oai, Phó ban Pháp chế HĐND Thành phố, Tổ trưởng tổ đại biểu HĐND Thành phố huyện Thanh Oai.



ĐỀ CƯƠNG TỔNG HỢP BÁO CÁO
Kết quả giám sát giải quyết kiến nghị của cử tri; kết quả giải quyết
kiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn thành phố
(Đề cương tổng hợp của Đoàn giám sát)

A. KẾT QUẢ GIÁM SÁT GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ CỦA CỬ TRI VỚI HĐND THÀNH PHỐ TỪ ĐẦU KHÓA XIV, NHIỆM KỲ 2011-2016 ĐẾN NAY.

1. Khái quát tình hình kiến nghị của cử tri với HĐND Thành phố từ đầu nhiệm kỳ đến nay

2. Kết quả đạt được

- Đánh giá kết quả đạt được trong công tác giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri của Thành phố, khẳng định những nội dung, kiến nghị của cử tri đã được UBND Thành phố, các cấp, ngành xem xét, giải quyết kịp thời, thỏa đáng.

3. Tồn tại, hạn chế, yếu kém

- Xác định những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác giải quyết, trả lời kiến nghị cử tri của Thành phố, những nội dung, kiến nghị của cử tri đã được trả lời nhưng trên thực tế chưa được UBND Thành phố, các cấp, ngành xem xét, giải quyết tổ chức thực hiện hiệu quả, chưa dứt điểm cử tri tiếp tục kiến nghị nhiều lần (theo nhóm vấn đề).

4. Nguyên nhân, trách nhiệm

- Khách quan
- Chủ quan
- Trách nhiệm cụ thể của từng cấp, ngành, địa phương, đơn vị.

B. KẾT QUẢ GIÁM SÁT GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO CỦA CÔNG DÂN NĂM 2013, CÁC VỤ VIỆC TỒN ĐỌNG KÉO DÀI.

1. Khái quát tình hình khiếu nại, tố cáo trên địa bàn Thành phố

2. Kết quả đạt được

- Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Trong công tác giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền.

- Trong công tác giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Trong công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Trong công tác giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng theo nghị quyết số 22/2009/HĐND của HĐND Thành phố.

3. Hạn chế, tồn tại, yếu kém

- Trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Trong công tác giải quyết đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền.

- Trong công tác giải quyết đơn tố cáo thuộc thẩm quyền.

- Trong công tác thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

- Trong công tác giải quyết các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng theo nghị quyết số 22/2009/HĐND của HĐND Thành phố.

4. Nguyên nhân, trách nhiệm

- Khách quan

- Chủ quan

- Trách nhiệm cụ thể của từng cấp, ngành, địa phương, đơn vị.

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề xuất với Quốc hội, Chính phủ

- Kiến nghị với Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố, đơn vị liên quan

KẾ HOẠCH

Giám sát tình hình, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn Thành phố

(Kèm theo Quyết định số 03/QĐ-HĐND ngày 17/1/2014 của Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố)

Thực hiện Nghị quyết số 34/2013/NQ-HĐND ngày 06/12/2013 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chương trình giám sát năm 2014, Thường trực HĐND Thành phố tổ chức Đoàn giám sát tình hình, kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn Thành phố.

1. Mục đích, yêu cầu:

- Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân của hạn chế trong công tác giải quyết kiến nghị của cử tri, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn Thành phố thời gian qua.

- Thông qua giám sát đề xuất HĐND Thành phố xem xét, quyết định những chủ trương, biện pháp để nâng cao hiệu quả giải quyết kiến nghị của cử tri, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn Thành phố trong thời gian tới.

- Báo cáo kết quả giám sát với HĐND Thành phố.

2. Nội dung, phạm vi, hình thức, đối tượng giám sát

2.1. Nội dung, phạm vi giám sát:

- Giám sát tình hình, kết quả giải quyết các kiến nghị của cử tri với HĐND Thành phố từ đầu khóa XIV, nhiệm kỳ 2011-2016 đến nay: những kiến nghị đã được giải quyết, thực hiện hoàn thành; những kiến nghị chưa thực hiện được; nguyên nhân, trách nhiệm cụ thể của từng cấp, từng ngành, địa phương, đơn vị.

- Giám sát tình hình, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân trên địa bàn Thành phố năm 2013; kết quả giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng theo nghị quyết số 22/2009/HĐND của HĐND Thành phố; danh mục các vụ việc khiếu nại, tố cáo tồn đọng đến 31/12/2013; nguyên nhân, trách nhiệm và biện pháp khắc phục.

2.2. Hình thức giám sát:

- Giám sát trực tiếp tại một số sở, ngành, UBND quận, huyện, thị xã kết hợp giám sát qua văn bản báo cáo của UBND các quận, huyện, thị xã.

- Đoàn giám sát tổ chức 2 đoàn đi làm việc cụ thể với các đơn vị.
- Kết thúc giám sát tại cơ sở, Đoàn giám sát làm việc với UBND Thành phố.

2.3. Đối tượng giám sát:

- UBND Thành phố
- Một số sở, ngành Thành phố
- UBND các quận, huyện, thị xã

3. Thành phần mời tham dự:

- Thành viên Đoàn giám sát (theo Quyết định thành lập Đoàn giám sát)
- Đại diện lãnh đạo Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Nội; Ủy ban MTTQ Thành phố; Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố; Văn phòng UBND Thành phố; Tổ đại biểu HĐND Thành phố (ứng cử tại đơn vị được giám sát); Thường trực HĐND quận, huyện, thị xã liên quan.
- Một số cơ quan thông tấn, báo chí.

4. Thời gian thực hiện:

- Đoàn giám sát yêu cầu các đơn vị báo cáo và nghiên cứu báo cáo trong thời gian nửa đầu tháng 2 năm 2014.
- Đoàn giám sát bố trí làm việc cụ thể với các đơn vị *trong thời gian từ 17 tháng 2 năm 2014 đến 28 tháng 2 năm 2014.*

Lịch làm việc cụ thể của Đoàn giám sát sẽ được thông báo sau.

5. Tổ chức thực hiện:

- Các thành viên Đoàn giám sát có trách nhiệm bố trí thời gian để tham gia đầy đủ các buổi làm việc của Đoàn theo kế hoạch, chủ động nghiên cứu tài liệu và tham gia ý kiến tại các buổi làm việc.
- Ban Pháp chế là bộ phận thường trực giúp Đoàn giám sát triển khai nội dung giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả giám sát.
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND Thành phố đôn đốc các đơn vị được giám sát gửi báo cáo; mời các đại biểu tham dự các buổi làm việc của Đoàn giám sát; phân công cán bộ, chuyên viên phục vụ, tổng hợp nội dung các buổi làm việc, bố trí phương tiện và đảm bảo các điều kiện phục vụ hoạt động của Đoàn giám sát theo quy định.
- Giám đốc các Sở, ngành, Chủ tịch UBND các quận, huyện, thị xã nêu tại mục 2 của Kế hoạch này, chỉ đạo xây dựng báo cáo, bố trí làm việc theo yêu cầu của Đoàn giám sát.

Thường trực HĐND Thành phố đề nghị các cơ quan, đơn vị có liên quan chuẩn bị tài liệu, chủ động phối hợp để Đoàn giám sát thực hiện nhiệm vụ.

THƯỜNG TRỰC HĐND THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Tên địa phương, đơn vị

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN KHIẾU NẠI
(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến ngày 31/12/2013)

Biểu số 01

| TT | Đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền | | | | Kết quả giải quyết | | | | | | | | | | | | | | Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định | | | | Việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại | | | | Ghi chú | | | | | | | | | | | |
|------|--------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------------------|--|--|----------------|---------------|-------------------------|------------------|-----------------------------|-----------------------|------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------|--|---------------|----------------------------|-------|---|------------------|------------------------------|-------------------------------------|---------|------------------------------------|--|----------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|------------|-----------------------|
| | | | | | Trong đó | | | | Đã giải quyết | | | | Phân tích kết quả (vụ việc) | | | | Kiến nghị thu hồi cho nhà nước | | Trả lại cho công dân | | Kiến nghị xử lý hành chính | | Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố | | | | | Thu hồi cho nhà nước | | Trả lại cho công dân | | | | | | | | |
| | Tổng số đơn khiếu nại | Đơn nhận trong kỳ báo cáo | Đơn tồn tại trước chuyển sang | Tổng số vụ việc | Số đơn thuộc thẩm quyền | Số vụ việc thuộc thẩm quyền | Số vụ việc giải quyết bằng QĐ hành chính | Số vụ việc rút đơn thông qua giải thích, thuyết phục | Khiếu nại đúng | Khiếu nại sai | Khiếu nại đúng một phần | Giải quyết lần 1 | Giải quyết lần 2 | | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Số người được trả lại quyền lợi | Tổng số người | Số người đã bị xử lý | Số vụ | Số đối tượng | Kết quả | | Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn | | Số vụ việc giải quyết quá thời hạn | Tổng số quyết định phải tổ chức thực hiện trong kỳ báo cáo | Đã thực hiện | Phải thu | | Đã thu | | Phải trả | | Đã trả | |
| | | | | | | | | | | | | | Công nhận QĐ g/q lần 1 | Hủy, sửa QĐ g/q lần 1 | | | | | | | | | | Số vụ đã khởi tố | Số vụ tương đương đã khởi tố | | | | | | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) |
| MS | 1=2+3 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 | 34 | 35 | 36 | 37 | 38 |
| Tổng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(ký tên, đóng dấu)

Tên địa phương, đơn vị

TỔNG HỢP KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT ĐƠN TỐ CÁO

(Số liệu tính từ ngày.../.../... đến...ngày 31/12/2013)

Biểu số 02

| TT | Đơn tố cáo thuộc thẩm quyền | | | | Kết quả giải quyết | | | | | | | | | | | | | Chấp hành thời gian giải quyết theo quy định | | Việc thi hành quyết định xử lý tố cáo | | | | | | | | Ghi chú | | | | | |
|------|-----------------------------|---------------------------|------------------------------|-----------------|-------------------------|-----------------------------|-----------------------------|------------|----------------------|--------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------------|----------------------------|------------|----------------------------------|--|-------------------------|---------------------------------------|------------------------------------|--|-------------------|-------------------------------------|------------------------------------|----------------------|--------|---------|----------|--------|------------|-----------------------|------------|
| | Tổng số đơn tố cáo | Trong đó | | | Đã giải quyết | | Phân tích kết quả (vụ việc) | | | Kiến nghị thu hồi cho Nhà nước | | Trả lại cho công dân | | Số người được bảo vệ quyền lợi | Kiến nghị xử lý hành chính | | Chuyển cơ quan điều tra, khởi tố | | | Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn | Số vụ việc giải quyết quá thời hạn | Tổng số quyết định phải thực hiện trong kỳ báo cáo | Đã thực hiện xong | Thu hồi cho nhà nước | | Trả lại cho công dân | | | | | | | |
| | | Đơn nhận trong kỳ báo cáo | Đơn tồn kỳ trước chuyển sang | Tổng số vụ việc | Số đơn thuộc thẩm quyền | Số vụ việc thuộc thẩm quyền | Tố cáo đúng | Tố cáo sai | Tố cáo đúng một phần | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | | Số người đã bị xử lý | Số vụ việc | Số đối tượng đã khởi tố | Số vụ việc đã khởi tố | Số đối tượng đã khởi tố | | | | | Số vụ việc giải quyết đúng thời hạn | Số vụ việc giải quyết quá thời hạn | Phải trả | Đã thu | | Phải trả | Đã trả | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | Tiền (Trđ) | Đất (m ²) | Tiền (Trđ) |
| MS | 1=2+3 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 | 25 | 26 | 27 | 28 | 29 | 30 | 31 | 32 | 33 |
| Tổng | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |

.... ngày tháng năm
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
 (ký tên, đóng dấu)

www.ThuVienPhapLuat.com
 LawSoft
 Tel: +84-9390-3930

Tên địa phương, đơn vị

DANH MỤC CÁC VỤ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO TÀN ĐẠNG ĐẾN 31/12/2013

Biểu số 04

| TT | Họ và tên | Địa bàn (địa chỉ) | Nội dung KNTC | Thẩm quyền giải quyết | Quá trình giải quyết | Lý do tồn đọng | Biện pháp giải quyết | Đề xuất, kiến nghị |
|-------------|-----------|----------------------|------------------|-----------------------------|-------------------------|----------------|-------------------------|-----------------------|
| 1 | | | | | | | | |
| 2 | | | | | | | | |
| 3 | | | | | | | | |
| 4 | | | | | | | | |
| 5 | | | | | | | | |
| 6 | | | | | | | | |
| Tổng | | | | | | | | |